DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số 333 /QĐ-UBND ngày 17/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
I	**Vị trí việc làm Lãnh dạo, quản lý**		
1	Giám đốc Sở	SLĐTBXH - LĐQL.01	
2	Phó Giám đốc Sở	SLĐTBXH - LĐQL.02	
3	Chánh Văn phòng Sở	SLĐTBXH - LĐQL.03	
4	Phó Chánh Văn phòng Sở	SLĐTBXH - LĐQL.04	
5	Trưởng phòng thuộc Sở	SLĐTBXH - LĐQL.05	
6	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	SLĐTBXH - LĐQL.06	
7	Chánh Thanh tra Sở	SLĐTBXH - LĐQL.07	
8	Phó Chánh Thanh tra Sở	SLĐTBXH - LĐQL.08	
II	**Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành**		
9	Vị trí Chuyên viên chính về người có công.	SLĐTBXH - NVCN.01	
10	Vị trí Chuyên viên chính về phòng, chống tệ nạn xã hội.	SLĐTBXH - NVCN.02	
11	Chuyên viên chính về bình đẳng giới	SLĐTBXH - NVCN.03	
12	Chuyên viên chính về bảo trợ xã hội.	SLĐTBXH - NVCN.04	
13	Chuyên viên chính về giảm nghèo.	SLĐTBXH - NVCN.05	
14	Chuyên viên chính về trẻ em	SLĐTBXH - NVCN.06	
15	Chuyên viên chính về an toàn vệ sinh lao động	SLĐTBXH - NVCN.07	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
16	Chuyên viên chính về bảo hiểm xã hội	SLĐTBXH - NVCN.08	
17	Chuyên viên chính về lao động, tiền lương	SLĐTBXH - NVCN.09	
18	Chuyên viên chính về quản lý lao động ngoài nước	SLĐTBXH - NVCN.10	
19	Chuyên viên chính về việc làm	SLĐTBXH - NVCN.11	
20	Chuyên viên chính về công tác học sinh, sinh viên	SLĐTBXH - NVCN.12	
21	Chuyên viên chính về cơ sở vật chất và thiết bị	SLĐTBXH - NVCN.13	
22	Vị trí Chuyên viên chính về đào tạo (bao gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên).	SLĐTBXH - NVCN.14	
23	Chuyên viên chính về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp	SLĐTBXH - NVCN.15	
24	Vị trí Chuyên viên chính về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	SLĐTBXH - NVCN.16	
25	Chuyên viên chính về quản lý kỹ năng nghề	SLĐTBXH - NVCN.17	
26	Vị trí Chuyên viên về người có công.	SLĐTBXH - NVCN.18	
27	Vị trí Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội.	SLĐTBXH - NVCN.19	
28	Vị trí Chuyên viên về bình đẳng giới.	SLĐTBXH - NVCN.20	
29	Vị trí Chuyên viên về bảo trợ xã hội.	SLĐTBXH - NVCN.21	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
30	Vị trí Chuyên viên về giảm nghèo.	SLĐTBXH - NVCN.22	
31	Vị trí Chuyên viên về trẻ em.	SLĐTBXH - NVCN.23	
32	Vị trí Chuyên viên về an toàn vệ sinh lao động.	SLĐTBXH - NVCN.24	
33	Vị trí Chuyên viên về bảo hiểm xã hội.	SLĐTBXH - NVCN.25	
34	Vị trí Chuyên viên về lao động, tiền lương.	SLĐTBXH - NVCN.26	
35	Vị trí Chuyên viên về quản lý lao động ngoài nước.	SLĐTBXH - NVCN.27	
36	Vị trí Chuyên viên về việc làm.	SLĐTBXH - NVCN.28	
37	Vị trí Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên.	SLĐTBXH - NVCN.29	
38	Vị trí Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị.	SLĐTBXH - NVCN.30	
39	Vị trí Chuyên viên về đào tạo (bao gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên).	SLĐTBXH - NVCN.31	
40	Vị trí Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp.	SLĐTBXH - NVCN.32	
41	Vị trí Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.	SLĐTBXH - NVCN.33	
42	Vị trí Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề.	SLĐTBXH - NVCN.34	
III	**Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**		
43	Vị trí Chuyên viên chính về Quản lý nguồn nhân lực	SLĐTBXH - CMDC.01	

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
44	Vị trí Chuyên viên chính về tài chính	SLĐTBXH - CMDC.02	
45	Vị trí Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	SLĐTBXH - CMDC.03	
46	Vị trí Chuyên viên về Quản lý nguồn nhân lực	SLĐTBXH - CMDC.04	
47	Vị trí Chuyên viên về tổng hợp	SLĐTBXH - CMDC.05	
48	Vị trí Chuyên viên về cải cách hành chính	SLĐTBXH - CMDC.06	
49	Vị trí Chuyên viên về lưu trữ	SLĐTBXH - CMDC.07	
50	Vị trí văn thư viên	SLĐTBXH - CMDC.08	
51	Vị trí Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán	SLĐTBXH - CMDC.09	
52	Vị trí Kế toán viên	SLĐTBXH - CMDC.10	
53	Vị trí Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	SLĐTBXH - CMDC.11	
54	Vị trí Chuyên viên về tài chính	SLĐTBXH - CMDC.12	
55	Vị trí Thanh tra viên về công tác thanh tra	SLĐTBXH - CMDC.13	
56	Vị trí Chuyên viên về công tác thanh tra	SLĐTBXH - CMDC.14	
57	Vị trí Chuyên viên về Kiểm soát thủ tục hành chính	SLĐTBXH - CMDC.15	
58	Vị trí Chuyên viên về Quản lý công nghệ thông tin	SLĐTBXH - CMDC.16	
59	Vị trí Văn thư viên Trung cấp	SLĐTBXH - CMDC.17	
IV	**Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ**		

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Ghi chú
60	Nhân viên Phục vụ	SLĐTBXH - HTPV.01	
61	Nhân viên Bảo vệ	SLĐTBXH - HTPV.02	
62	Nhân viên Kỹ thuật	SLĐTBXH - HTPV.03	
63	Nhân viên Lái xe	SLĐTBXH - HTPV.04	